

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 11- 5 -2021
V/v: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con
và chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm: 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020, bản tự khai ngày 11/11/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị N trình bày:*

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh C trước đây là vợ chồng, có 03 con chung: Cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 11/12/1998, Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/8/2002 và Nguyễn Gia B sinh ngày 25/02/2013. Tại bản án số 125/2017/HNGĐ-ST ngày 09/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã xử cho chị N ly hôn anh C. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu B, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi

con cho anh C. Cháu Th khi đó đã trưởng thành. Nay cháu H cũng đã trưởng thành. Tuy nhiên, chị N vẫn phải nuôi 02 cháu lớn học đại học. Một mình chị N nuôi con rất vất vả. Từ khi ly hôn, anh C không cho con đồng nào. Vì vậy chị N khởi kiện yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu B hằng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021.

Về chia tài sản sau khi ly hôn: Khi làm thủ tục ly hôn, chị N chưa yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn, chị N và anh C không thỏa thuận được phân chia tài sản chung. Vì vậy, chị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Thừa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 770953 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 30/01/2015, đứng tên chị N và anh C. Tài sản trên đất là nhà ở và các công trình khác gồm: Khu bán bình giáp đường tỉnh lộ, khu nhà cấp IV ba gian, khu bán bình phía sau nhà 3 gian và khu bếp. Chị N không yêu cầu chia các đồ đạc, vật dụng trong nhà. Nguồn gốc tài sản là do vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Hiện nay, anh C đang quản lý, sử dụng nhà, đất này.

+ Thừa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 972139 do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 28/12/2010, đứng tên chị N và anh C. Trên đất có ngôi nhà cấp bốn và bếp đã cũ, mục nát không còn giá trị sử dụng, nên chị N không yêu cầu chia ngôi nhà này. Nguồn gốc tài sản là do bố mẹ đẻ anh C tặng cho vợ chồng. Thừa đất này hiện tại đang để trống, không có người ở, nhưng do anh C quản lý.

Ngoài ra các chị N không yêu cầu chia tài sản chung nào khác.

Chị N đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung về giá trị. Về chia hiện vật: Chị N có nguyện vọng được chia đất và nhà tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định để có chỗ ở nuôi con. Giao cho anh C thừa đất tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa. Chị N có trách nhiệm trả giá trị phần chênh lệch tài sản cho anh C.

Chị không chấp nhận quan điểm của anh C về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thừa đất ở gần chợ xã T, huyện Thiệu Hóa. Vì thừa đất này là đất của chị Ngô Thị H (chị gái chị N) bỏ tiền mua đất tại UBND xã T, huyện Thiệu Hóa. Năm 2003, chị H chuyển đi nơi khác sống và cho chị N sử dụng để cấy lúa. Chị N khẳng định vợ chồng không bỏ tiền ra mua mảnh đất này. Chị N và anh C không có mảnh đất này.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu B. Anh C đi làm có đồng nào anh cho con đồng đó. Hiện tại, anh làm thợ xây, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ.

Về chia tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh C có các tài sản chung như sau:

+ Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 770953 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 30/01/2015, đứng tên chị N và anh C. Tài sản trên đất là nhà ở và các công trình khác gồm: Khu bán bình giáp đường tỉnh lộ, khu nhà cấp bốn ba gian, khu bán bình phía sau nhà 3 gian và khu bếp.

+ Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 972139 do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 28/12/2010, đứng tên chị N và anh C. Trên đất có ngôi nhà cấp bốn và bếp đã cũ, mục nát không còn giá trị sử dụng.

Anh C không đồng ý với quan điểm của chị N yêu cầu chia tài sản chung. Quan điểm của anh là không yêu cầu chia tài sản, để sau này cho con (cho cháu B).

Ngoài ra anh C cho rằng anh và chị N đang còn tài sản khác mà chị N chưa kê khai để chia gồm: 01 thửa đất ở gần chợ xã T. Nguồn gốc đất do vợ chồng bỏ tiền mua của UBND xã T (mua năm nào anh không nhớ). Chị N là người nộp tiền. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn C. UBND xã T đang cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại biên bản định giá tài sản ngày 15/01/2021 và ngày 03/02/2021, Hội đồng định giá tài sản chung của chị N, anh C như sau:*

+ Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m², có giá là 750.000.000đ. Toàn bộ 4 khu nhà trên thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định có giá là 84.023.000đ. Tổng giá trị nhà và đất là 834.023.000đ.

+ Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m², có giá là 263.880.000đ. Đối với ngôi nhà trên đất đã cũ, mục nát, không còn giá trị sử dụng, nên chị N không yêu cầu định giá.

Tổng giá trị tài sản đã định giá là 1.097.903.000đ.

- *Tại phiên hòa giải ngày 19/02/2021:* Chị N và anh C thống nhất được các tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m² và công trình nhà ở trên đất; Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m² và nhà ở trên đất. Chị N và anh C thống nhất với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Chị N và anh C không thống nhất được vấn đề cấp dưỡng nuôi con và quan điểm chia tài sản chung. Anh C vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; không đồng ý chia tài sản chung; ngoài ra anh C khẳng định vợ chồng còn tài sản chung khác mà chị N chưa kê khai đó là thửa đất gần chợ xã T, huyện Thiệu Hóa.

- Theo kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện Thiệu Hóa và theo lời khai của chị Ngô Thị H, sinh năm: 1965, Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Yên Định (chị gái chị N), ngày 05/4/2021, khẳng định: Thửa đất tại Thôn A, xã T, huyện Thiệu Hóa, đang có tranh chấp giữa chị Ngô Thị H với chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn C, là đất của chị Ngô Thị H. UBND huyện Thiệu Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N, anh C là cấp sai, nên UBND huyện Thiệu Hóa đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N, anh C. Hiện nay, UBND xã T đang làm hồ sơ đề nghị UBND huyện Thiệu Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H.

- Tại phiên tòa: Anh C vắng mặt. Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện gồm: Một là, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu B hằng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021. Hai là yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm nhà và đất tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định và thửa đất tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa. Toàn bộ các tài sản này đều do anh C đang quản lý, sử dụng. Chị N đề nghị Tòa án chia đôi tài sản về giá trị. Về chia hiện vật: Chị xin được nhận nhà và đất tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định để có chỗ ở nuôi con vì hiện nay mẹ con chị phải đi thuê nhà ở rất vất vả. Giao cho anh C thửa đất tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa. Chị có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho anh C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ các Điều 59, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX giải quyết: Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh C cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Gia B 2.000.000đ/1 tháng, cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì quyền lợi của con, hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tài sản chung là 1.097.903.000đ chia đôi mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 548.951.500đ. Về hiện vật: Giao nhà và đất tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định cho chị Ngô Thị N. Giao cho anh C được thửa đất và nhà tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa. Chị N phải trả cho anh C phần chênh lệch tài sản là 285.071.500đ. Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn của chị N, anh C là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh C vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu B là 2.000.000đ/tháng. Anh C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy: Sau khi ly hôn, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Th, cháu H và cháu B. Anh C không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Th và cháu H mặc dù đã đủ 18 tuổi, nhưng chị N vẫn nuôi các cháu học đại học. Trách nhiệm của người bố người mẹ phải thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng các con của mình. Đó là nghĩa vụ theo luật định mà anh C không thể chối cãi. Chị N một mình nuôi con rất vất vả, nên chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu B là đúng quy định. Với mức thu nhập hiện tại của anh C là 6.000.000đ/tháng, anh C ở một mình, có thể dành ra 1/3 thu nhập để cấp dưỡng nuôi cháu B. Do đó, cần buộc anh C cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng là phù hợp với thực tế thu nhập của anh C và nhu cầu thiết yếu của con trẻ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.2. Về tài sản chung:

Chị N và anh C thống nhất được các tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m² và công trình nhà ở trên đất; Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m² và công trình nhà ở trên đất. Chị N và anh C thống nhất với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Chị N đề nghị Tòa án chia đôi tài sản về giá trị. Chị xin được nhận nhà và đất tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định; giao cho anh C thửa đất tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa. Anh C không đồng ý chia tài sản chung; anh C khẳng định vợ chồng còn tài sản chung khác mà chị N chưa kê khai đó là thửa đất tại Thôn A, xã T, huyện Thiệu Hóa.

HĐXX xét thấy: Vợ chồng chị N và anh C đã ly hôn, nhưng chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị N khởi kiện phân chia tài sản chung của vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị N và anh C thống nhất tài sản chung của vợ chồng là:

- Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m², có giá là 750.000.000đ và toàn bộ công trình nhà ở trên đất có giá là 84.023.000đ. Tổng giá trị nhà và đất là 834.023.000đ.

- Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m², có giá là 263.880.000đ. Trên thửa đất này có ngôi nhà đã cũ, mục nát, không còn giá trị sử dụng, nên chị N không yêu cầu định giá ngôi nhà.

Tổng giá trị các tài sản chung được định giá là 1.097.903.000đ.

Quan điểm phân chia tài sản chung: Về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nhưng phải xem xét đến nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên và các yếu tố khác. Đối với tài sản chung là nhà, đất tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định là tài sản chị N và anh C cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nên chia cho đôi cho chị N và anh C, mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản là 417.011.500đ. Đối với tài sản chung là thửa đất và nhà tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa có nguồn gốc là bố mẹ anh C tặng cho vợ chồng, khi chia cần chia cho anh C phần nhiều hơn theo tỷ lệ 60/40 là phù hợp. Cụ thể chia cho anh C 60% giá trị tài sản là 158.328.000đ, chia cho chị N 40% giá trị tài sản là 105.552.000đ.

Như vậy, số tài sản chung được phân chia như sau: Tổng tài sản đã định giá 1.097.903.000đ. Chia cho chị N phần tài sản có giá trị là 522.563.500đ. Chia cho anh C phần tài sản có giá trị là 575.339.500đ.

Về chia hiện vật: Đối với thửa đất và nhà tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định có diện tích 125m², nhưng cạnh mặt đường C dài 5m nên không thể chia đôi được. Hiện nay, chị N đang nuôi 03 con phải đi thuê nhà, cuộc sống rất vất vả. Vì vậy giao cho chị N được sở hữu nhà, đất tại Thôn X, xã Y, huyện Yên Định là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi của phụ nữ và con trẻ sau khi ly hôn. Đối với thửa đất và nhà tại Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa có nguồn gốc là đất của ông bà nhà anh C nên giao cho anh C được quyền sở hữu là phù hợp. Chị N chịu trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh C là 311.459.500đ.

Đối với tài sản là thửa đất tại Thôn A, xã T, huyện Thiệu Hóa: Anh C khẳng định đó là tài sản chung của vợ chồng nhưng không có tài liệu chứng minh. Theo kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện Thiệu Hóa và theo lời khai của chị Ngô Thị H, sinh năm: 1965, Địa chỉ: Thôn Kênh Khê, xã Đ, huyện Yên Định (chị gái chị N) ngày 05/4/2021, có đủ cơ sở để khẳng định: Thửa đất tại Thôn A, xã T, huyện Thiệu Hóa, là đất của chị H. UBND huyện Thiệu Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N, anh C là cấp sai, nên UBND huyện Thiệu Hóa đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N, anh C. Hiện nay, UBND xã T đang làm hồ sơ đề nghị UBND huyện Thiệu Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H. Theo tài liệu do UBND huyện Thiệu Hóa cung cấp là Quyết định số 477/QĐ-UBND của huyện Thiệu Hóa ngày 01/3/2019, UBND huyện Thiệu Hóa đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 612081 cấp cho thửa đất tại Thôn A, xã T, huyện Thiệu Hóa, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C. Vì vậy, quan điểm của anh C khẳng định vợ chồng còn tài sản chung khác là thửa đất tại Thôn A, xã T, huyện Thiệu Hóa là không có căn cứ để chấp nhận.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Nguyên đơn là chị Ngô Thị N đã nộp số tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá. Sau khi thẩm định, định giá tài sản tổng chi phí hết 9.500.000đ. Chị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, không yêu cầu anh C phải trả lại, nên HĐXX không xem xét.

2.6. Về án phí: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ. Chị N và anh C được chia phần tài sản trong khối tài sản chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia theo quy định.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 59, 107, 110, 117, và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 147, Điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; Điểm b khoản 5; Điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Tuyên xử:

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Nguyễn Văn C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng đối với cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày

25/02/2013, mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về phân chia tài sản chung:*

+ Xác nhận số tài sản chung của chị N và anh C gồm:

1- Thừa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, diện tích 125m², có giá là 750.000.000đ và toàn bộ công trình nhà ở trên đất có giá là 84.023.000đ. Tổng giá trị nhà và đất là 834.023.000đ.

2- Thừa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, diện tích 733m², có giá là 263.880.000đ. Trên thửa đất này có ngôi nhà đã cũ, mục nát, không còn giá trị sử dụng, nên chị N không yêu cầu định giá.

Tổng giá trị các tài sản chung được định giá là 1.097.903.000đ (*Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm lẻ ba nghìn đồng*).

+ Chia giá trị tài sản: Chia cho chị N phần tài sản có giá trị là 522.563.500đ. Chia cho anh C phần tài sản có giá trị là 575.339.500đ.

+ Chia hiện vật: Giao cho chị Ngô Thị N được quyền sở hữu tài sản gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản là công trình nhà ở trên đất, đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 125m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 770953 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 30/01/2015, đứng tên chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn C. Giao cho anh Nguyễn Văn C được quyền sở hữu tài sản gồm quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất, đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11, Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa diện tích 733m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 972139 do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 28/12/2010, đứng tên chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn C. Chị N chịu trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh C là 311.459.500đ (*Ba trăm mười một triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị N, anh C có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Về án phí:*

Chị N phải chịu 24.902.540đ (*Hai mươi tư triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*) tiền án phí giá ngạch chia tài sản. Số tiền này được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 20.000.000đ chị N đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003784 ngày 23/10/2020. Chị N phải nộp thêm số tiền án phí là 4.902.540đ (*Bốn triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*).

Anh C phải chịu 27.013.580đ (*Hai mươi bảy triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm tám mươi đồng*) án phí giá ngạch chia tài sản và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

- *Quyền kháng cáo*: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị N trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh C vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng